

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *923* /QĐ-UBND

*Ninh Thuận, ngày 18 tháng 6 năm 2020*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi heo nái sinh sản, quy mô 5.000 con tại xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận của Công ty TNHH Trang trại Phú Lộc Phát**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi heo nái sinh sản, quy mô 5.000 con họp ngày 23 tháng 4 năm 2020;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi heo nái sinh sản, quy mô 5.000 con (đã được chỉnh sửa, bổ sung) kèm theo Văn bản số 19.05/CV-PLP ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Công ty TNHH Trang trại Phú Lộc Phát;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1891/TTr-STNMT ngày 29 tháng 5 năm 2020,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại chăn nuôi heo nái sinh sản, quy mô 5.000 con của Công ty TNHH

Trang trại Phú Lộc Phát thực hiện tại xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Công ty TNHH Trang trại Phú Lộc Phát có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn; Giám đốc Công ty TNHH Trang trại Phú Lộc Phát và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT và các PCT UBND tỉnh (P.V.Hậu, T.Q.Nam);
- UBND xã Quảng Sơn;
- VPUB: LD, KTTH;
- Chủ dự án (3b);
- Lưu: VT, Hào.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm Văn Hậu**

## Phụ lục

### CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN TRANG TRẠI CHĂN NUÔI HEO NÁI SINH SẢN, QUY MÔ 5.000 CON TẠI XÃ QUẢNG SƠN, HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN CỦA CÔNG TY TNHH TRANG TRẠI PHÚ LỘC PHÁT

*(Kèm theo Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2020  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

#### 1. Thông tin về Dự án:

- Tên Dự án: “Trang trại chăn nuôi heo nái sinh sản, quy mô 5.000 con”.
- Chủ Dự án: Công ty TNHH Trang trại Phú Lộc Phát.
- Địa điểm thực hiện: Xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

##### 1.1. Quy mô, công suất của Dự án:

a) Diện tích sử dụng đất: Khoảng 207.339 m<sup>2</sup>, bao gồm: Công trình chăn nuôi chính là 24.968,48 m<sup>2</sup>; công trình khác phục vụ chăn nuôi là 12.514,46 m<sup>2</sup>; công trình bảo vệ môi trường là 9.697,34 m<sup>2</sup>; hồ dự trữ nước mưa là 7.875 m<sup>2</sup> và cây xanh, thảm cỏ là 152.283,72 m<sup>2</sup>.

b) Công suất: 5.000 con heo nái sinh sản.

1.2. Công nghệ chăn nuôi của Dự án: Chăn nuôi heo an toàn sinh học theo tiêu chuẩn VietGAP.

##### 1.3. Các hạng mục, công trình chính của Dự án:

- Công trình chăn nuôi chính: 12 dãy nhà heo nái đẻ; 8 dãy nhà heo mang thai; 2 dãy nhà heo nọc, phòng pha chế tinh; 2 dãy nhà heo cách ly số 1 và 2 dãy nhà heo cách ly số 2.

- Công trình khác phục vụ chăn nuôi: 2 nhà bảo vệ; 2 nhà sát trùng xe; 2 nhà sát trùng vật dụng; 2 nhà tắm sát trùng; 2 nhà xe; 2 nhà bếp; 2 khu nhà ở công nhân; 2 nhà kỹ thuật; 2 nhà điều hành; 2 nhà rửa ủng; 2 kho cám, kho vôi, kho vật dụng, sảnh gia công; 2 trạm biến thế; 2 nhà đặt máy phát điện; 4 bể chứa nước ngầm; 2 tháp nước; 8 bể ngầm rửa đàn; 2 nhà xuất heo; 2 nhà nhập heo; đường dẫn heo; đường giao thông nội bộ (L=1.699 m); tường rào (L=1.837 m) và 4 chòi canh.

- Công trình xử lý môi trường: 4 nhà lưu chứa chất thải; 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 180 m<sup>3</sup>/ngàyđêm; 01 lò đốt xác heo, nhau thai; 12 bể tự hoại.

- Hồ dự trữ nước mưa: Hồ chứa nước mưa 1 (dung tích là 35.000 m<sup>3</sup>), hồ chứa nước mưa 2 (dung tích là 28.000 m<sup>3</sup>).



## 2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

### 2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

a) *Giai đoạn thi công*: Nguồn chất thải gây tác động đến môi trường giai đoạn này chủ yếu là bụi, khí thải, tiếng ồn phát sinh từ quá trình đào đắp, san lấp, xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, vật tư thiết bị; nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt của công nhân và chất thải nguy hại (*dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu, mỡ*) từ hoạt động sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng máy móc, phương tiện thi công.

b) *Giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại*: Chất thải phát sinh giai đoạn này chủ yếu là bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển, khí phát sinh từ các bể biogas; chất thải rắn thông thường và nguy hại từ hoạt động sinh hoạt, quá trình chăn nuôi (*phân heo, tro từ lò đốt, bùn thải, bao bì, bóng đèn huỳnh quang hỏng, giẻ lau dính dầu, cặn dầu nhớt, thức ăn thừa, ...*); nước thải từ hoạt động sinh hoạt, quá trình chăn nuôi; mùi từ khu lưu trữ phân, hệ thống xử lý nước thải tập trung,...

### 2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

a) *Giai đoạn thi công*: Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 2,3 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, BOD<sub>5</sub>, nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup>), phosphat (PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>) dầu mỡ động, thực vật, Coliform.

b) *Giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại*:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 6 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, BOD<sub>5</sub>, nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup>), phosphat (PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>) dầu mỡ động, thực vật, Coliform.

- Nước thải từ quá trình chăn nuôi heo phát sinh khoảng 122 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, BOD<sub>5</sub>, COD, tổng Nitơ và Coliform.

### 2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải, tiếng ồn:

a) *Giai đoạn thi công*: Bụi, khí thải (SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO) và tiếng ồn phát sinh từ quá trình đào đắp, san lấp, xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, vật tư thiết bị.

b) *Giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại*: Bụi, khí thải của các phương tiện vận chuyển với thành phần chủ yếu là SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO; mùi hôi phát sinh từ kho chứa phân heo, hệ thống xử lý nước thải tập trung, ... với thành phần chủ yếu là khí NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S, CH<sub>4</sub>, Mecaptan; tiếng ồn của heo; khí sinh học phát sinh từ hệ thống bể biogas có các thành phần chủ yếu là H<sub>2</sub>S, CH<sub>4</sub>, CO<sub>2</sub>.

#### 2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

a) *Giai đoạn thi công*: Chất thải rắn phát sinh tại khu vực thi công với khối lượng khoảng 750kg/tháng. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng thức ăn, thức ăn dư thừa, bao bì xi măng,...

b) *Giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại*:

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Chủ yếu là chất thải rắn sinh hoạt công nhân với lượng thải khoảng 24 - 48 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng thức ăn và thức ăn dư thừa.

- *Chất thải rắn từ quá trình chăn nuôi*: Lượng phát sinh khoảng 1.810 - 5.520 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng thức ăn, phân heo, xác heo chết, nhau thai.

#### 2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

a) *Giai đoạn thi công*: Lượng phát sinh khoảng 1,67 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là giẻ lau, cặn sơn thừa, bóng đèn, dầu mỡ thải,...

b) *Giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại*: Lượng phát sinh khoảng 41-94 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là hộp mực in thải, chai lọ thuốc, bóng đèn huỳnh quang, pin, ắc quy thải, giẻ lau, bùn thải, tro thải,...

### 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

#### 3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a) *Giai đoạn thi công*: Xây dựng 03 bể tự hoại tại khu lán trại để xử lý nước thải sinh hoạt công nhân.

b) *Giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại*:

- Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tập trung xử lý đạt quy chuẩn trước khi tái sử dụng.

- Nước thải phát sinh từ quá trình chăn nuôi heo trong giai đoạn này được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 180 m<sup>3</sup>/ngày đêm xử lý đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT trước khi được tái sử dụng cho hoạt động rửa chuồng và tưới cây trong khuôn viên dự án.



- Trên tuyến đường vận chuyển: Che chắn thùng xe và phun nước 6,6km đường vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng (cát, đất, đá, xi măng,...), với tần suất 03 lần/ngày (tiêu chuẩn  $1,5 \text{ lít/m}^2$ ) để hạn chế phát sinh bụi.

*b) Giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại:*

- Giảm thiểu tác động của mùi: Thường xuyên thu gom phân heo tại các dãy chuồng nuôi vào kho chứa và định kỳ 02 ngày/lần chuyển giao cho các đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý; định kỳ phun chế phẩm sinh học 3-5 ngày/lần khu chuồng nuôi và 01 ngày/lần khu vực lưu chứa phân heo để hạn chế mùi hôi.

- Giảm thiểu khí thải từ hệ thống bể biogas: Khí phát sinh từ hệ thống bể biogas được sử dụng làm nhiên liệu lò đốt xác heo, nhau thai và phần dư thừa được đốt bỏ.

3.3. Về chất thải thông thường:

*a) Giai đoạn thi công:* Bố trí 01 thùng rác dung tích 50 lít/thùng tại khu vực thi công và định kỳ chuyển giao rác thải cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

*b) Giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại:*

- Chất thải rắn sinh hoạt thông thường được thu gom vào các kho chứa với tổng diện tích  $17,5 \text{ m}^2$  và định kỳ 2 ngày/lần chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý (Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại và sản xuất Nam Thành Ninh Thuận).

- Lượng phân heo phát sinh mỗi ngày được thu gom vào các kho chứa với tổng diện tích  $213 \text{ m}^2$  và định kỳ 2 ngày/lần chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý (Công ty TNHH Nam Việt Ninh Thuận).

- Xác heo chết thông thường và nhau thai: Được đốt tại lò đốt xác heo.

3.4. Về chất thải nguy hại:

*a) Giai đoạn thi công:* Bố trí 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại với diện tích  $10 \text{ m}^2$  để lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh giai đoạn này và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

*b) Giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại:*

- Toàn bộ chất thải nguy hại được thu gom vào các kho chứa chất thải nguy hại với tổng diện tích  $17,5 \text{ m}^2$  và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Bùn từ hệ thống xử lý nước thải: Bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải định kỳ thu gom vào sân phơi bùn diện tích  $336 \text{ m}^2$  để tách nước và được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

- Tro từ lò đốt xác heo chết: Thu gom vào kho chứa và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường hệ thống xử lý nước thải:

- Đầu tư xây dựng hồ điều hòa (kích thước 30m x 65m x 8 m) đảm bảo 02 chức năng điều hòa lưu lượng nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung và lưu trữ nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, ngừng hoạt động.

- Thường xuyên kiểm tra áp lực khí trong bể biogas.

- Mặt bờ bao xung quanh các bể biogas, hồ sinh thái phải được tráng xi măng; thành bờ bao các hồ sinh thái và bể biogas phải đảm bảo mái ta luy 1:1 để hạn chế sạt lở.

- Bố trí máy thổi khí dự phòng để thay thế các máy cấp khí tại các hồ xử lý hiếu khí và thiếu khí bị hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình trạng hoạt động các máy móc, thiết bị của công trình xử lý nước thải tập trung để phát hiện sự cố và có biện pháp khắc phục kịp thời.

#### **4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:**

a) Giai đoạn thi công:

- 03 bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt;

- 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại với diện tích 10 m<sup>2</sup>.

b) Giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại:

- 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 180 m<sup>3</sup>/ngày đêm;

- 01 lò đốt xác heo chết thông thường và nhau thai với diện tích 8 m<sup>2</sup>;

- 04 nhà lưu chứa chất thải với tổng diện tích 266 m<sup>2</sup> (được chia thành nhiều ô để lưu chứa chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại, phân heo, nhau thai).

- 12 bể tự hoại 03 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt công nhân (trong đó có 03 bể được xây dựng trong giai đoạn thi công).

#### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:**

5.1 Giám sát chất lượng môi trường không khí trong giai đoạn xây dựng:

- Thông số: Tổng bụi lơ lửng, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub> và tiếng ồn.

- Vị trí: Tại ranh giới đầu hướng gió và tại ranh giới cuối hướng gió của Dự án (theo các mùa gió chủ đạo trong năm).

- Tần suất: 06 tháng/lần trong giai đoạn xây dựng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT

5.2 Giám sát chất lượng môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm:



### 5.2.1. Đối với nước thải:

- Thông số: Lưu lượng, pH, tổng chất rắn lơ lửng, BOD<sub>5</sub>, COD, tổng Nitơ, tổng Coliform.

- Vị trí: Tại các bể thu gom nước thải trước khi vào các bể biogas và sau bể khử trùng.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B.

### 5.2.2. Đối với khí thải lò đốt xác heo

- Thông số: Bụi tổng, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>.

- Vị trí: Trong ống khói lò đốt xác heo.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 30:2012/BTNMT, cột B.

## 5.3. Giám sát chất lượng môi trường trong giai đoạn vận hành thương mại:

### 5.3.1. Đối với nước thải

- Thông số: Lưu lượng, pH, tổng chất rắn lơ lửng, BOD<sub>5</sub>, COD, tổng Nitơ, tổng Coliform.

- Vị trí: Tại các bể thu gom nước thải trước khi vào các bể biogas và sau bể khử trùng.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B.

### 5.3.2. Đối với khí thải lò đốt xác heo

- Thông số: Bụi tổng, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>.

- Vị trí: Trong ống khói lò đốt xác heo.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 30:2012/BTNMT, cột B.

### 5.3.3. Đối với chất lượng môi trường không khí

- Thông số giám sát: H<sub>2</sub>S, NH<sub>3</sub>, CH<sub>3</sub>SH.

- Vị trí: Tại ranh giới đầu hướng gió và tại ranh giới cuối hướng gió của Dự án (theo các mùa gió chủ đạo trong năm).

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 06:2009/BTNMT.

## 6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường.

- Toàn bộ nước thải chăn nuôi, sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án phải được thu gom, xử lý đạt giá trị cột B của QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi) trước



khi tái sử dụng để rửa chuồng, tưới cây trong khuôn viên Dự án. Tuyệt đối không được thải đổ vào các suối và môi trường xung quanh.

- Khí thải từ quá trình đốt xác heo chết thông thường, nhau thai phải được xử lý đạt giá trị cột B của QCVN 30:2012/BTNMT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp*) trước khi thải ra môi trường bên ngoài và đảm bảo chất lượng môi trường không khí đạt QCVN 06:2009/BTNMT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh*).

- Toàn bộ chất thải thông thường; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án phải được thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Thực hiện đúng, đầy đủ chương trình giám sát môi trường định kỳ; báo cáo kết quả giám sát chất lượng môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát; đồng thời, đảm bảo kinh phí để thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Trong quá trình thi công xây dựng, hoạt động nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có thẩm quyền và các cơ quan có liên quan để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

- Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường./.